

# Quản lý chất lượng môi trường nước - Nền tảng và mục tiêu của công tác kiểm soát ô nhiễm

NGUYỄN HOÀNG ANH, Phó Vụ trưởng

Vụ Quản lý chất lượng môi trường, Tổng cục Môi trường

**LTS: Trong số 8/2022, tác giả đã giới thiệu hoạt động quản lý chất lượng môi trường không khí, trong số này, bài viết sẽ tập trung vào nội dung quản lý chất lượng môi trường nước, trọng điểm vào các lưu vực sông (LVS), sông, hồ có vai trò quan trọng với phát triển kinh tế - xã hội và BVMT.**

Việt Nam có 697 sông, suối, kênh, rạch và 38 hồ là nguồn nước liên tỉnh, thuộc 16 lưu vực sông (LVS) chính và 3.045 sông, suối thuộc các LVS nội tỉnh. Trong số đó, nhiều sông là sông xuyên biên giới như hệ thống sông: Mê Công (sông Cửu Long), Hồng, Bằng Giang - Kỳ Cùng, Mã, Cả, Sê San, Đồng Nai.

Trong giai đoạn 2016 - 2020, với sự nỗ lực quản lý và kiểm soát các nguồn gây ô nhiễm, phần lớn chất lượng nước trên các LVS lớn như LVS Hồng - Thái Bình, Mã, Vu Gia - Thu Bồn và Mê Công đều được theo dõi, quản lý. Kết quả quan trắc cho thấy, chất lượng môi trường nước tại các LVS này vẫn duy trì ở mức tốt. Nhiều sông, đoạn sông, nước sông sử dụng tốt cho mục đích cấp nước sinh hoạt. Tuy nhiên, cục bộ vẫn còn tồn tại một số khu vực chất lượng nước ở mức kém, song đã có sự cải thiện đáng kể so với nhiều năm trước (như đoạn sông Cầu trước khi vào TP. Thái Nguyên; đoạn sông Nhuệ qua địa phận Hà Nội, đoạn chảy qua chợ Đông Ba trên sông Hương...). Thành phần chất ô nhiễm trên các LVS chủ yếu là ô nhiễm hữu cơ và dinh dưỡng, phần lớn các điểm quan trắc ghi nhận chưa có dấu hiệu ô nhiễm hóa chất bảo vệ thực vật.

Vấn đề BVMT LVS luôn là một trong những vấn đề nóng, nhận được nhiều sự quan tâm của các cấp, các ngành và dư luận xã hội. Các quy định về BVMT LVS cũng đã có trong các văn bản quy phạm pháp luật về BVMT từ sớm, tính từ Luật BVMT năm 2005. Căn cứ quy định của pháp luật về BVMT cũng như tình hình thực tiễn, Bộ TN&MT đã xây dựng, tham mưu trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt các Đề án BVMT LVS đối với một số LVS có vai trò quan trọng với phát triển kinh tế - xã hội, là điểm nóng về ô nhiễm môi trường, cụ thể là: Đề án tổng thể bảo vệ và phát triển bền vững môi trường sinh thái, cảnh quan LVS Cầu; Đề án tổng thể BVMT LVS Nhuệ - sông Đáy đến năm 2020 và Đề án BVMT lưu vực hệ thống sông Đồng Nai đến năm 2020. Bên cạnh đó, Thủ tướng Chính phủ

cũng đã ban hành Quyết định thành lập các Ủy ban BVMT LVS tương ứng để cùng với Bộ TN&MT chủ trì, phối hợp với UBND các tỉnh, TP trên 3 LVS và các Bộ, ngành liên quan triển khai các nhiệm vụ, thực hiện 3 Đề án BVMT LVS.

Đến năm 2020, các Đề án BVMT LVS kết thúc giai đoạn thực hiện, đồng thời Quốc hội khóa XIV đã thông qua Luật BVMT năm 2020 với nhiều điểm mới liên quan đến vấn đề BVMT nước. Bài viết phân tích tình hình triển khai 3 Đề án BVMT LVS đến năm 2020, phân tích những điểm đã đạt được, tồn tại, hạn chế và nguyên nhân, từ đó đề xuất phương hướng, giải pháp về BVMT LVS giai đoạn tới.

## KẾT QUẢ QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG NƯỚC THÔNG QUA THỰC HIỆN 3 ĐỀ ÁN BVMT LVS

### Ban hành các văn bản quy phạm pháp luật

Trong quá trình thực hiện và triển khai các Đề án, đã có nhiều văn bản quy phạm pháp luật về BVMT và pháp luật liên quan đến LVS đã được điều chỉnh và ban hành như: Luật Tài nguyên nước năm 2012, Luật BVMT năm 2014 và Luật Thủy lợi năm 2017. Các luật này và văn bản dưới luật liên quan đã quy định cụ thể về quản lý, bảo vệ, khai thác, sử dụng tài nguyên nước; kiểm soát, xử lý

ô nhiễm môi trường nước các LVS; quản lý, khai thác công trình thủy lợi và vận hành hồ chứa thủy điện phục vụ thủy lợi. Bên cạnh đó, BVMT nước LVS còn được điều chỉnh bởi các quy định pháp luật khác như: Luật Quy hoạch, Luật Thủy sản, Luật Đầu tư, Luật Đất đai, Luật Phòng chống thiên tai... Hiện nay, để tăng cường công tác BVMT LVS nói riêng và công tác BVMT nói chung, Luật BVMT năm 2020 và các văn bản hướng dẫn đã được ban hành.

### Kết quả thực hiện các chỉ tiêu của 3 Đề án BVMT LVS

#### Đề án BVMT LVS Cầu

Đề án chỉ đặt ra các chỉ tiêu cụ thể đến năm 2012 và định hướng chung đến năm 2020, tuy nhiên, sau khi kết thúc giai đoạn 2007 - 2012, các địa phương vẫn tiếp tục đạt mục tiêu để triển khai thực hiện các chỉ tiêu, trên cơ sở đó, kết quả thực hiện được đánh giá cụ thể như: Tỷ lệ xử lý triệt để các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng: Có 4/6 tỉnh đạt chỉ tiêu đến năm 2012 (là 100%), 2/6 địa phương chưa đạt chỉ tiêu là Bắc Ninh (đạt 80%) và Hải Dương (đạt 72,7%); Tỷ lệ nâng độ che phủ của rừng toàn lưu vực, khôi phục cơ bản rừng đầu nguồn đã bị suy thoái: Đến hết năm 2020, tỷ lệ chung toàn lưu vực là khoảng 56% (đạt so với mục tiêu đến năm 2012 là 43%)...

*Đề án tổng thể BVMT LVS Nhuệ - sông Đáy*

Đề án đặt ra các mục tiêu cụ thể cho từng giai đoạn và đạt được những kết quả như sau: Tỷ lệ xử lý triệt để các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng: Có 4/5 địa phương đạt mục tiêu là 100% (riêng Hà Nam mới chỉ đạt tỷ lệ 50%); Tỷ lệ KCN, khu chế xuất, khu công nghệ cao có hệ thống XLNT tập trung: Có 2/5 địa phương đạt mục tiêu là 100% (Hà Nội, Hà Nam), 3/5 địa phương không đạt mục tiêu là Hòa Bình (50%), Ninh Bình (60%) và Nam Định (70%); Tỷ lệ thu gom, xử lý chất thải nguy hại: Có 3/5 địa phương đạt mục tiêu là 100% (Hà Nội, Ninh Bình, Nam Định), 2/5 địa phương không đạt là Hòa Bình (98,4%) và Hà Nam (95%)...

*Đề án BVMT lưu vực hệ thống sông Đồng Nai*

Đề án đặt ra mục tiêu cho từng giai đoạn cụ thể (đến 2010, 2011 - 2015, 2016 - 2020), đến hết năm 2020 kết quả đạt được là: Tỷ lệ xử lý các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng: Có 8/11 địa phương đạt mục tiêu 95%, còn 3/11 địa phương chưa đạt là Lâm Đồng (66,6%), Đắk Nông (50%) và Bình Thuận (89%); Tỷ lệ KCN, khu chế xuất, khu công nghệ cao có hệ thống XLNT tập trung: Có 6/11 địa phương đạt chỉ tiêu tỷ lệ 100%, còn 5/11 địa phương chưa đạt là Lâm Đồng (50%), Đắk Nông (chưa có số liệu đầy đủ), Long An (95%), Bình Thuận (75%) và Ninh Thuận (50%)...

**Thiết lập mạng lưới quan trắc môi trường nước trên các LVS**

Thực hiện các Quy hoạch quan trắc môi trường quốc gia, Bộ TN&MT đã xây dựng mạng lưới quan trắc môi trường nước tại 3 LVS và thực hiện các chương trình quan trắc định kỳ theo mạng lưới đã thiết kế sẵn với tần suất 6 lần/năm (năm 2019), 8 lần/năm (năm 2020). Một số trạm quan trắc cố định tự động, liên tục tại một số vị trí đã được lắp đặt, các số liệu được kết nối và truyền trực tiếp về Tổng cục Môi trường. Căn cứ Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 12/1/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch mạng lưới quan trắc TN&MT quốc gia giai đoạn 2016 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030, Chương trình quan trắc môi trường nước mặt lục địa được thực hiện tại 49 điểm quan trắc trên lưu vực hệ thống sông Đồng Nai. Trong đó, 20 điểm trên sông Đồng Nai, 15 điểm trên sông Sài Gòn, 6 điểm trên sông Thị Vải và 8 điểm trên sông Vàm Cỏ.

Các địa phương cũng đang thực hiện các chương trình quan trắc định kỳ theo mạng lưới điểm, trạm quan trắc trên các đoạn sông,

dòng sông nội tỉnh và đan dày thêm cho mạng lưới quan trắc trên LVS. Các số liệu này được phục vụ cho công tác kiểm soát môi trường tại các địa phương và cung cấp cho cơ quan môi trường Trung ương khi cần thiết. Bên cạnh đó, nhiều cơ sở thuộc đối tượng phải lắp đặt hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục cũng đã thực hiện và truyền dữ liệu về Sở TN&MT và Bộ TN&MT.

**Công tác thanh tra, kiểm tra về BVMT LVS, giám sát các nguồn thải lớn**

Trong những năm qua, công tác thanh tra, kiểm tra tại các cơ sở xả thải ra LVS luôn được chú trọng thực hiện và có sự phối hợp chặt chẽ, đồng bộ ở cả Trung ương và địa phương. Hoạt động thanh tra đã phát hiện và xử phạt nhiều vi phạm về BVMT, giúp chấn chỉnh, hướng dẫn các cơ sở, doanh nghiệp thực hiện đúng các quy định BVMT. Qua đó, đã giảm thiểu đáng kể sự cố, điểm nóng về môi trường tại các LVS, tăng cường ý thức chấp hành pháp luật về BVMT của doanh nghiệp. Theo đó, công tác điều tra, thống kê nguồn thải đang được triển khai đồng bộ trên hầu hết các tỉnh; đã thực hiện điều tra, thống kê và quản lý các nguồn nước thải chính trên LVS. Các nguồn thải lớn, có nguy cơ cao gây ô nhiễm hoặc sự cố môi trường đều được giám sát chặt chẽ.

Tại LVS Cầu, giai đoạn 2015 - 2019, Bộ TN&MT đã phối hợp với các Sở TN&MT tiến hành thanh tra, kiểm tra 345 cơ sở trên 6 tỉnh, trong đó 68 cơ sở vi phạm với tổng số tiền phạt là hơn 12 tỷ đồng. Giai đoạn 2006 - 2020, Bộ Công an (lực lượng Cảnh sát phòng chống tội phạm về môi trường)

đã tiến hành trực tiếp xử lý 4.000 vụ việc vi phạm, xử phạt vi phạm hành chính với số tiền trên 72,5 tỷ đồng. Cũng trong giai đoạn 2006 - 2020, các địa phương đã thanh tra, kiểm tra hơn 8.181 sở và xử lý nghiêm 1.437 cơ sở vi phạm pháp luật về BVMT với số tiền phạt hơn 77 tỷ đồng.

Ở LVS Nhuệ - sông Đáy, giai đoạn 2016 - 2020, Bộ TN&MT đã phối hợp với 5 tỉnh, TP thanh tra, kiểm tra tại hơn 164 cơ sở, xử phạt vi phạm hành chính với 97 cơ sở, số tiền phạt hơn 19 tỷ đồng. Trong giai đoạn 2008 - 2020, Bộ Công an đã tiến hành trực tiếp xử lý trên 2.000 vụ việc vi phạm, xử phạt gần 43 tỷ đồng.

**Xử lý triệt để các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng**

Các địa phương trên 3 LVS đã chú trọng xử lý triệt để các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng, không để phát sinh cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng mới. Tại LVS Cầu, đến nay đã có 48/52 cơ sở hoàn thành biện pháp xử lý ô nhiễm triệt để theo Quyết định số 64/2003/QĐ-TTg, đạt tỷ lệ 92,3%; 18/20 cơ sở hoàn thành xử lý triệt để theo Quyết định số 1788/QĐ-TTg ngày 1/10/2013, đạt tỷ lệ 95,7%. Ở LVS Nhuệ - sông Đáy, có 43/45 cơ sở hoàn thành biện pháp xử lý ô nhiễm triệt để theo theo Quyết định số 64/2003/QĐ-TTg, đạt tỷ lệ hơn 90%; 21/27 cơ sở hoàn thành xử lý triệt để theo Quyết định số 1788/QĐ-TTg, chiếm tỷ lệ 77,78%. Tại lưu vực hệ thống sông Đồng Nai, 7/11 tỉnh, TP đã hoàn thành mục tiêu xử lý triệt để các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng, còn 4 tỉnh chưa hoàn thành do những nguyên nhân khác nhau. Tính chung trên toàn lưu vực, tỷ lệ đạt được là 95%.

## MỘT SỐ TỒN TẠI, HẠN CHẾ

Bên cạnh những kết quả đạt được, trong quá trình triển khai thực hiện các đề án BVMT LVS vẫn còn tồn tại một số hạn chế cần khắc phục. Diễn biến chất lượng nước trên LVS Cầu giai đoạn 2007 - 2020 ít biến động, chưa có sự cải thiện đáng kể qua các năm, vẫn còn một số khu vực chất lượng nước ở mức kém, mặc dù đã có sự cải thiện đáng kể so với nhiều năm trước; riêng điểm nóng ô nhiễm môi trường sông Ngũ Huyện Khê vẫn chưa được giải quyết. Chất lượng nước LVS Nhuệ - sông Đáy giai đoạn 2009 - 2020 vẫn chưa được cải thiện rõ rệt. Tại lưu vực hệ thống sông Đồng Nai, ngoài sông Thị Vải chất lượng nước đã được cải thiện đáng kể, các khu vực khác chuyển biến không rõ rệt, cục bộ một số đoạn sông có dấu hiệu gia tăng ô nhiễm chất hữu cơ và dinh dưỡng, đặc biệt là khu vực sông Sài Gòn đoạn chảy qua TP. Hồ Chí Minh.

Ngoài ra, một số chỉ tiêu của Đề án đạt thấp: Tỷ lệ các khu đô thị có hệ thống XLNT nước thải sinh hoạt tập trung còn thấp dưới 50%; tỷ lệ nước thải sinh hoạt đô thị được thu gom, xử lý đạt quy chuẩn tại LVS Cầu khoảng 15%, LVS Nhuệ - sông Đáy khoảng 24,1%, lưu vực hệ thống sông Đồng Nai khoảng 22,9%.

Hiện nay, có nhiều Bộ chịu trách nhiệm chính về nguồn nước gồm: Bộ TN&MT (có chức năng quản lý tài nguyên nước, BVMT nước, kiểm soát ô nhiễm nước, ban hành quy chuẩn quốc gia về môi trường, thường trực Hội đồng quốc gia tài nguyên nước); Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (quản lý thủy lợi, hạ tầng thủy lợi, lũ lụt, cấp nước nông thôn, ứng phó thiên tai và sạt lở bờ sông, bờ biển, đê điều); Bộ Công Thương (quản lý thủy điện và nước cho công nghiệp) và Bộ Xây dựng (quản lý cấp nước đô thị, khu công nghiệp (KCN), thoát nước và XLNT đô thị và khu dân cư nông thôn tập trung). Mặc dù đã có quy định phân công, phân cấp như vậy nhưng vẫn còn tình trạng chồng chéo về nhiệm vụ và những hạn chế, vướng mắc trong công tác phối hợp...

## ĐỊNH HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP CHO CÔNG TÁC QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG NƯỚC MẶT SÔNG, HỒ GIAI ĐOẠN TIẾP THEO

Trong thời gian qua, với sự chỉ đạo quyết liệt của các cấp lãnh đạo từ Trung ương đến địa phương trong các LVS Cầu, Nhuệ - Đáy, Đồng Nai - Sài Gòn, việc triển khai 3 Đề án tổng thể BVMT LVS đã đạt những kết quả tích cực. Nhận thức và ý thức trách nhiệm về công tác BVMT đang từng bước có sự thay đổi, đã đạt được những thành tựu nhất định trong việc kiểm chế, kiểm soát được mức độ gia tăng ô nhiễm, chất lượng nước tại các dòng sông liên tỉnh và các điểm nóng về ô nhiễm môi trường LVS có xu hướng cải thiện dần theo từng năm, đặc biệt trong giai đoạn 2016 - 2020. Tuy nhiên, do áp lực của phát triển kinh tế - xã hội, các nguồn xả thải vào LVS lớn ngày càng gia tăng, đặc biệt là tại khu vực trọng điểm, đô thị lớn (như Hà Nội và TP. Hồ Chí Minh), tập trung nhiều làng nghề, cụm công nghiệp (CCN).

Vấn đề lớn nhất hiện nay, bên cạnh tiếp tục đầu tư cho công tác kiểm soát ô nhiễm đối với các nguồn thải lớn, là cần tập trung đầu tư mạnh mẽ hơn nữa cho công tác kiểm soát ô nhiễm đối với các nguồn thải nhỏ hơn và có tính chất phân tán; trong đó, trọng tâm là kiểm soát nước thải từ các CCN, làng nghề, XLNT sinh hoạt đô thị và nông thôn, nước mưa chảy tràn bề mặt, nước thải chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản và nguồn thải phân tán khác bằng các giải pháp tổng thể, cụ thể về quy hoạch, hoàn thiện thể chế chính sách, hình thành và vận hành hiệu quả các cơ chế tài chính và triển khai động bộ giải pháp nâng cao năng lực cho các cấp, ngành, địa phương. Cụ thể:

**Tổ chức thực hiện đầy đủ, nghiêm túc các quy định mới của Luật BVMT năm 2020**

Luật BVMT năm 2020 đã đưa ra cách tiếp cận mới trong quản lý chất lượng nước mặt: Quản lý dựa trên tải lượng ô nhiễm và khả năng chịu tải của môi trường tiếp nhận. Theo đó, việc cấp giấy phép môi trường (trong đó có hoạt động xả thải vào nguồn nước) sẽ được thực hiện theo nguyên tắc tổng tải lượng ô nhiễm từ các nguồn thải không được vượt quá khả năng chịu tải của nguồn tiếp nhận. Để thực hiện cách tiếp cận tổng hợp này, Luật BVMT năm 2020 đưa ra một công cụ quản lý thống nhất là Kế hoạch quản lý chất lượng môi trường nước mặt (KHQLCLN) đối với sông, hồ, với các nội dung chính bao gồm: (a) Xác định mục tiêu chất lượng nước; (b) điều tra, đánh giá tải lượng ô nhiễm từ các nguồn ô nhiễm; (c) đánh giá khả năng chịu tải của nguồn tiếp nhận; xác định mục tiêu quản lý, giảm phát thải; (d) phân vùng xả thải, đánh giá hạn ngạch xả nước thải để làm căn cứ cấp giấy phép môi trường. Theo đó, Bộ TN&MT được giao trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các địa phương và Bộ, ngành liên quan xây dựng, trình Thủ tướng Chính phủ ban hành KHQLCLN đối với các sông liên tỉnh có vai trò quan trọng đối với phát triển kinh tế - xã hội và BVMT theo quy định tại Điều 8 và Điều 9 của Luật BVMT năm 2020, trong đó ưu tiên lựa chọn sông Cầu, sông Nhuệ - sông Đáy và sông Đồng Nai để sớm xây dựng và ban hành KHQLCLN. UBND cấp tỉnh được giao trách nhiệm lập và phê duyệt KHQLCLN đối với sông, hồ nội tỉnh có vai trò quan trọng với phát triển kinh tế - xã hội và BVMT.

KHQLCLN là căn cứ pháp lý quan trọng, thay thế các Đề án BVMT LVS trong hoạt động BVMT, quản lý chất lượng nước tại các LVS. Đối với các sông liên tỉnh, KHQLCLN do Thủ tướng Chính phủ ban hành sẽ đưa ra yêu cầu chất lượng nước hài hòa, thống

nhất trên toàn bộ dòng chính của sông, đánh giá khả năng chịu tải và công bố các đoạn sông không còn khả năng chịu tải, biện pháp giảm phát thải nhằm cải thiện chất lượng nước, phân vùng xả thải thống nhất trên lưu vực, phân bổ hạn ngạch xả thải và giao trách nhiệm thực hiện nhằm bảo vệ và cải thiện chất lượng môi trường nước cho địa phương trên lưu vực và các Bộ, ngành liên quan. Tuy nhiên, việc xây dựng và ban hành KHQLCLN cần có sự vào cuộc của cả hệ thống để giải quyết nhiều thách thức liên quan đến: Nguồn lực cho việc điều tra, khảo sát, đánh giá khả năng chịu tải của môi trường nước mặt của các sông liên tỉnh và nội tỉnh khi xây dựng KHQLCLN và thực hiện các giải pháp BVMT khi đưa KHQLCLN vào triển khai trong thực tế; Sự đồng thuận của địa phương trên các sông liên tỉnh liên quan đến việc quy định thống nhất, hài hòa yêu cầu chất lượng nước từ thượng nguồn xuống hạ lưu và của từng đoạn sông, việc phân vùng xả thải, phân bổ hạn ngạch xả thải; Công tác điều hành, điều chỉnh các hoạt động phát triển kinh tế - xã hội của các tổ chức, cá nhân nhằm giảm phát thải, cải thiện chất lượng nước tại khu vực được công bố chất lượng nước bị suy giảm hoặc không còn khả năng chịu tải.

**Đối với 3 LVS**

Sau khi các Đề án BVMT LVS kết thúc năm 2020, trong giai đoạn tiếp theo, công tác BVMT LVS tiếp tục được triển khai thực hiện theo quy định của Luật BVMT năm 2020. Trong quá trình chuyển tiếp giữa Luật BVMT năm 2014 và Luật BVMT năm 2020 (có hiệu lực từ ngày 1/1/2022) cũng như sau khi Luật BVMT năm 2020 và các Nghị định, Thông tư hướng dẫn có hiệu lực thi hành, các địa phương trong LVS, Bộ TN&MT và các Bộ, ngành cần tiếp tục phát huy các thành quả đạt được nhằm thực hiện tốt công tác BVMT LVS theo chức năng, nhiệm vụ được giao; tập trung vào một số nhóm giải pháp, nhiệm vụ như sau:

*Hoàn thiện hệ thống chính sách, pháp luật về BVMT, xây dựng hệ thống tiêu chí về môi trường trong thu hút đầu tư, xem xét, phê duyệt các dự án đầu tư, đảm bảo không thu hút công nghệ sản xuất lạc hậu vào Việt Nam. Rà soát, hoàn thiện hệ thống quy chuẩn kỹ thuật môi trường về chất lượng*

*môi trường nước, quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với nước thải với định hướng hội nhập quốc tế; học tập kinh nghiệm của các nước tiên tiến trên thế giới nhằm thiết lập các hàng rào kỹ thuật bảo vệ và cải thiện chất lượng môi trường, đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước.*

*Tăng cường năng lực thực hiện công tác quản lý nhà nước về BVMT từ Trung ương đến địa phương, đặc biệt là năng lực quan trắc môi trường, kiểm soát ô nhiễm, thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm pháp luật về BVMT nhằm theo dõi và phát hiện kịp thời những khu vực ô nhiễm, nguyên nhân và giải pháp khắc phục. Chủ động, tích cực giải quyết các vấn đề môi trường liên ngành, liên tỉnh, đặc biệt là chương trình phối hợp nhằm kiểm soát ô nhiễm nước sông liên tỉnh vào mùa khô; các hoạt động gây ô nhiễm tại các điểm có nguy cơ ô nhiễm cao như khu vực nuôi trồng thủy sản, khu tiếp nhận nhiều nguồn thải, bến cảng, bến thủy nội địa trên sông...*

*Đẩy mạnh việc đa dạng hóa nguồn tài chính, tạo cơ chế đặc thù về tài chính cho công tác BVMT LVS; tiếp tục đẩy mạnh việc đa dạng hóa huy động nguồn tài chính cho công tác BVMT, kêu gọi đầu tư, hỗ trợ phát triển các công nghệ xử lý, tái chế, tái sử dụng nước thải hiệu quả và phù hợp; xây dựng cơ chế đột phá để huy động nguồn tài chính từ xã hội; hoàn thiện cơ chế sử dụng nguồn thu từ môi trường đầu tư trở lại cho môi trường một cách hợp lý; triển khai có hiệu quả các công cụ kinh tế trong quản lý môi trường (đặc biệt là thuế môi trường, giá dịch*

*vụ môi trường và phí BVMT đối với nước thải); xây dựng, triển khai các chính sách ưu đãi, hỗ trợ cho các dự án đầu tư, xử lý, cải tạo phục hồi ô nhiễm nước...*

*Kiểm soát chặt chẽ các nguồn thải, tăng cường áp dụng khoa học công nghệ, sử dụng công nghệ hiện đại, thân thiện môi trường trong xử lý nước thải tại LVS; tổng điều tra, đánh giá, phân loại các nguồn thải trên phạm vi cả nước nói chung và 3 LVS; xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về nguồn thải; thực hiện hiệu quả các biện pháp phòng ngừa, kiểm soát nguồn gây ô nhiễm môi trường, tập trung vào các nguồn thải lớn, có nguy cơ gây sự cố, ô nhiễm môi trường; tăng cường quản lý môi trường đối với các khu vực tập trung nhiều nguồn thải, chỉ cho phép các CCN có đầu tư hạ tầng kỹ thuật và hệ thống XLNT tập trung mới được thu hút đầu tư, hoạt động; xử lý nghiêm đối với các cơ sở gây ô nhiễm nghiêm trọng, gây ô nhiễm nguồn nước; công bố công khai các cơ sở vi phạm quy định về xả nước thải gây ô nhiễm môi trường nước trên các phương tiện thông tin đại chúng.*

*Tăng cường vai trò trách nhiệm của địa phương trong kiểm soát, xử lý, cải tạo phục hồi môi trường đoạn sông, dòng sông trên địa bàn: Phân công và phân cấp rõ trách nhiệm cho từng cấp chính quyền địa phương và thường xuyên đôn đốc, kiểm tra tình hình triển khai thực hiện, quy định trách nhiệm của người đứng đầu các địa phương về công tác BVMT trên địa bàn và trách nhiệm cụ thể trong xử lý, giải quyết ô nhiễm đoạn sông, dòng sông tại địa phương■*